

Số: /GP-UBND Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Bệnh viện Đa khoa huyện Thường Xuân (nâng cấp từ 120 giường bệnh lên 240 giường bệnh) tại thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 715/CV-BVTX ngày 03/10/2023 của Bệnh viện Đa khoa huyện Thường Xuân về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Bệnh viện Đa khoa huyện Thường Xuân tại Khu II, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 778/TTr-STNMT ngày 09 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Bệnh viện Đa khoa huyện Thường Xuân, địa chỉ tại Khu II, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Bệnh viện Đa khoa huyện Thường Xuân với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện Đa khoa huyện Thường Xuân.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khu II, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá.

1.3. Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 986/TH-GPHĐ do Sở Y tế cấp ngày 08/3/2021.

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám bệnh và điều trị ngoại trú, nội trú.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định tại Phụ lục IV, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích: 11.201,1 m²

- Công suất: 240 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bệnh viện Đa khoa huyện Thường Xuân:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Bệnh viện Đa khoa huyện Thường Xuân có trách nhiệm:

2.1. Thực hiện đúng, đầy đủ các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường sau khi được cấp giấy phép môi trường.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý nước thải, chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm.**

(từ ngày 20 tháng 5 năm 2024 đến ngày 20 tháng 5 năm 2034).

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Thường Xuân và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của cơ sở được cấp phép.

Nơi nhận:

- BVĐK huyện Thường Xuân (để t/hiện);
- Sở Tài nguyên và Môi trường (để theo dõi);
- UBND huyện Thường Xuân (để theo dõi);
- UBND thị trấn Thường Xuân (để g/sát);
- Lưu: VT, P gNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà A1 (Nhà Khám bệnh và Khu hành chính).
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt và nước thải y tế từ khu nhà A2 (Nhà Ngoại - Sản - LCK).
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt và nước thải y tế từ khu Nhà A3 (Khoa Nội tổng hợp, hồi sức cấp cứu, khoa Nhi) + Nhà B4 (Nhà khoa truyền nhiễm).
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt và nước thải nấu ăn từ nhà khoa dinh dưỡng .
- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt từ nhà B2 (Khoa Y học cổ truyền):.
- Nguồn số 06: Nước thải từ Nhà B3 (Nhà kiểm soát nhiễm khuẩn).
- Nguồn số 07: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh công cộng.
- Nguồn số 08: Nước thải từ khu giặt chung.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải: Bệnh viện có 01 dòng nước thải sau Hệ thống xử lý nước thải tập trung → đường ống PVC DN200 → Mương thoát nước chung của khu vực.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương tiêu thoát nước chung của khu vực đoạn chảy qua cổng Bệnh viện thuộc khu II, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

2.3. Vị trí xả thải:

- Vị trí xả nước thải: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung xả thải ra mương thoát nước chung của khu vực tại vị trí có tọa độ (theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiếu 3^0): X = 2201260 (m); Y = 0536221 (m).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.4. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 64,0 m³/ngày đêm

2.4.1. Phương thức xả thải:

- Phương thức xả thải: Tự chảy
- Hình thức xả: Xả mặt.

2.4.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày đêm

2.4.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các thông số không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo đạt QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột B, K =1,2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5 - 8,5	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ	Không thuộc đối tượng phải lắp đặt
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	60		
3	COD	mg/l	120		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	5,0		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24		
10	Tổng Coliform	MPN/100 ml	5.000		
11	Salmonell	Vi khuẩn/100ml	KPH		
12	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom và thoát nước thải

- Nước thải từ nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ khu nhà A1 (Nhà Khám bệnh và Khu hành chính): Bao gồm nước thải từ các nhà vệ sinh (*Đại tiện, tiểu tiện*) được thu gom và xử lý qua bể tự hoại, sau đó theo đường ống D200, chiều dài L = 35m ra bể thu gom chung (V = 5,0 m³/bể) → HTXL nước thải tập trung, công suất 150 m³/ngày đêm.

- Nước thải từ nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ khu nhà A2 (Nhà Ngoại - Sản - LCK): bao gồm nước thải vệ sinh (Đại tiện, tiểu tiện) qua bể tự hoại cùng nước thải y tế → theo đường ống D200 ($L_{D200} = 43\text{m}$) ra bể thu ($V = 5,0 \text{ m}^3$) → HTXL nước thải tập trung, công suất $150 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Nước thải từ nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ khu Nhà A3 (Khoa Nội tổng hợp, hồi sức cấp cứu, khoa Nhi) + Nhà B4 (Nhà khoa truyền nhiễm): Bao gồm nước thải vệ sinh (Đại tiện, tiểu tiện) qua bể tự hoại cùng nước thải y tế theo đường ống D200 ($L_{D200} = 51\text{m}$) → bể thu gom chung ($V = 12,0 \text{ m}^3$) → HTXL nước thải tập trung, công suất $150 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Nước thải từ nguồn số 04: Nước thải từ nhà khoa dinh dưỡng: bao gồm nước thải từ nấu ăn, nước rửa tay chân, nước đại tiện, tiểu tiện (sau khi qua bể tự hoại) → theo đường ống D200 ($L_{D200} = 20\text{m}$) vào bể thu gom ($V = 5,0 \text{ m}^3$) → HTXL nước thải tập trung, công suất $150 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Nước thải từ nguồn số 05: Nước thải từ nhà B2 (Khoa Y học cổ truyền): Bao gồm nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) → bể tự hoại → theo đường ống D200 ($L_{D200} = 32\text{m}$) ra bể thu gom ($V = 5,0 \text{ m}^3$) → HTXL nước thải tập trung, công suất $150 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Nước thải từ nguồn số 06: Nước thải phát sinh từ Nhà B3 (Nhà kiểm soát nhiễm khuẩn): bao gồm nước giặt đờc thu gom theo đường ống D200 ($L_{D200} = 30\text{m}$) → bể thu gom ($V = 4,5 \text{ m}^3$) → HTXL nước thải tập trung, công suất $150 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Nước thải từ nguồn số 07: Nước thải từ khu vệ sinh công cộng (Đại tiện, tiểu tiện) → theo đường ống D200 vào bể thu gom ($V=4,0 \text{ m}^3$) → HTXL nước thải tập trung, công suất $150 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Nước thải từ nguồn số 08: Nước thải từ khu giặt chung → Đường ống D90 về bể 01 là bể keo tụ ($V1 = 5,0 \text{ m}^3$) → bể 02 ($V = 12 \text{ m}^3$) → HTXL nước thải tập trung, công suất $150 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

Nước thải sau xử lý tại Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất $150\text{m}^3/\text{ngày đêm}$, chảy ra mương thoát nước chung của khu vực đoạn chảy qua cổng Bệnh viện.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình xử lý nước thải:

- 09 bể tự hoại có tổng thể tích 160m^3 .

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $150\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

1.2.2. Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải tập trung: Nước thải sau xử lý sơ bộ từ các nguồn → Hồ thu (lắp đồng hồ đo lưu lượng đầu vào) → Ngăn tách cát, rác → Bể điều hòa → 02 Modul hợp khối (gồm Bể hiếu khí có vật liệu đệm di động → Bể tách nước tuần hoàn → Bể lọc sinh học → Ngăn khử trùng → Ngăn thu nước sau xử lý) → Mương tiêu thoát nước khu vực đoạn chảy qua cổng Bệnh viện.

- Công suất thiết kế: 150 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Cloramin B (hoặc các hóa chất tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.4.3 phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp phòng ngừa sự cố

- Vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống phải được tập huấn và thao tác đúng cách khi có sự cố phát sinh và luôn có mặt tại vị trí vận hành.

- Thực hiện kiểm tra một số thông số nước thải sau xử lý để giám sát hoạt động của Trạm xử lý nước thải, kịp thời ứng phó sự cố đối nước thải.

- Luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hư hỏng cao như máy bơm, phao, van, cánh khuấy... để thay thế khi cần thiết.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

1.4.2. Biện pháp ứng phó sự cố

- Trường hợp nước thải sau xử lý không đạt giá trị giới hạn cho phép tại Mục 2.4.3 Phần A Phụ lục này: Nước thải được bơm trở lại bể điều hòa, rà soát toàn bộ hệ thống xử lý nước thải, xác định nguyên nhân sự cố và khắc phục. Sau khi khắc phục sự cố, tiếp tục vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố do thiết bị, các đường ống dẫn nước thải: (1) trường hợp hỏng hóc thiết bị phải thực hiện các biện pháp vận hành các thiết bị dự phòng, tháo các thiết bị hỏng hóc để kiểm tra, bảo dưỡng, bổ sung thay thế; (2) trường hợp nước thải trong các bể bị ứ đọng/tràn do bơm nước thải, công tắc phao bị hỏng hay nghẹt thì phải vận hành bơm dự phòng khi bơm hỏng, vệ sinh bơm/công tắc phao khi bị nghẹt; (3) trường hợp sự cố do vận

hành liên quan đến việc phải chỉnh liều lượng hóa chất phù hợp, điều chỉnh nồng độ bùn, bổ sung thêm bùn vi sinh, tăng dưỡng chất, tiến hành rà soát, điều chỉnh, khắc phục sự cố; (4) trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố nghiêm trọng dẫn đến nồng độ các chất ô nhiễm vượt quá tiêu chuẩn xả thải ra môi trường, chưa thể khắc phục ngay, Bệnh viện thực hiện lưu chứa nước thải tại các bể chứa nước thải, bể xử lý trong 01 modul để tiến hành sửa chữa, khắc phục modul còn lại, sau khi hệ thống xử lý nước thải hoạt động trở lại, bơm quay vòng nước thải để xử lý đạt chuẩn trước khi thải ra môi trường tiếp nhận.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1 Thời gian vận hành thử nghiệm:

Dự kiến 03 tháng, kể từ ngày giấy phép môi trường có hiệu lực; thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm thực hiện theo quy định tại khoản 6, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 150 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

Tại hố thu gom nước thải trước khi vào hệ thống xử lý và bể khử trùng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.4.3. Phần A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện theo quy định tại Khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư theo đúng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2 phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.4.3 Phần A của Phụ lục này và ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện biện pháp khắc phục.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Có quy trình kiểm soát chặt chẽ chất lượng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải (gồm: Lưu lượng đầu ra; lượng điện tiêu thụ và lượng hóa chất sử dụng,...). Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Bệnh viện Đa khoa huyện Thường Xuân có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.6. Bệnh viện Đa khoa huyện Thường Xuân chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này./.

PHỤ LỤC 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn phát sinh tại khu vực đặt máy phát điện dự phòng;
- Nguồn số 02: Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của máy thổi khí, máy bơm của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung của nguồn số 01, 02 trong khuôn viên Bệnh viện Đa khoa huyện Thường Xuân tại thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá. Tọa độ đại diện nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung như sau:

- Nguồn số 01: X = 2203064 (m); Y = 542223 (m)

- Nguồn số 02: X = 2201260 (m); Y = 536221 (m)

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiếu 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	55	45	-	Khu vực đặc biệt

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	60	55	-	Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Các điểm tiếp xúc giữa máy thổi khí, động cơ, máy bơm và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và giảm độ rung.

1.2. Quy định các phương tiện ra vào bệnh viện tắt máy khi vào cổng và cấm bóp còi trong khu vực bệnh viện.

1.3. Có các bảng nội quy yêu cầu y bác sỹ, bệnh nhân, người nhà bệnh nhân và khách đến thăm đi nhẹ, nói khẽ.

1.4. Trồng cây xanh, bồn hoa, cây cảnh trong khuôn viên bệnh viện để lọc không khí, giảm và ngăn chặn tiếng ồn, giảm bức xạ nhiệt.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 2 phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải y tế lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	18 01 03	1.642,5
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	2
3	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 03	5
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại (can nhựa đựng hóa chất)	18 01 03	8
5	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	12
6	Pin, ắc quy thải	16 01 12	02
7	Hóa chất thải bỏ, dược phẩm thải bỏ bị hỏng	18 01 06	547,5
Tổng khối lượng			2.219

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải rắn thông thường có thể tái chế	12,78
2	Chất thải rắn thông thường không tái chế	63,88
3	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải (sau khi đã xác định không có thành phần nguy hại)	18,0
Tổng khối lượng		94,66

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Các loại túi nilong, thùng lưu chứa có nắp đậy phân loại theo màu sắc theo mã quy định của ngành y tế, có dung tích từ 5 - 240 lít.
- Thùng ghi nhãn mác của từng loại CTNH được lưu giữ.

2.1.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu chứa chất thải nguy hại: Diện tích 26,6 m².
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Khu lưu chứa chất thải nguy hại có mái tôn, tường gạch bao xung quanh, nền lát gạch chống thấm; phía bên ngoài có biển cảnh báo chất thải nguy hại theo đúng quy định.
- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn y tế thông thường.

2.2.1. Thiết bị lưu chứa.

- Đối với chất thải thông thường không tái chế: Các thùng chứa dung tích từ 15 đến 120 lít.
- Đối với chất thải có thể tái chế: Các thùng chứa có dung tích (120 - 240) lít.

2.2.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Kho chứa CTRTT có diện tích 15,5m².
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Khu lưu chứa có mái tôn, tường gạch bao xung quanh, nền lát gạch chống thấm.
- Thực hiện vệ sinh hàng ngày đảm bảo sạch sẽ.

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố đối với nước thải và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Tổ chức thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.

PHỤ LỤC 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải y tế nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải y tế nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Thực hiện công trình bảo vệ môi trường và vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Quyền, nghĩa vụ của chủ dự án đầu tư, cơ sở được cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 47 của Luật BVMT năm 2020.

3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

4. Kiểm soát hoạt động của Trạm xử lý nước thải tập trung đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý ra môi trường xung quanh.

5. Kiểm soát các thông số ô nhiễm trong nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (Cột B; K = 1,2). Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

6. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

7. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

8. Thực hiện quản lý bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

9. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

10. Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường.

11. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Bệnh viện bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

12. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định./.